

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS-ST

Ngày 06-11-2017

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI TỈNH KON TUM

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá Khen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trịnh Khắc Long

2/ Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông A Dáo là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M; có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn 4, thị trấn Plei K, huyện N, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2016 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện N, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Ngày 21/8/2014 qua bà Trần Thị M bà có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hẹn 20 ngày sẽ thanh toán, lãi suất theo thỏa thuận, nhưng đến nay bà H vẫn không thanh toán cho bà, nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà tổng số tiền là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

Đến ngày 05/6/2017 bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng), số tiền còn lại bà D yêu cầu bà H và bà M phải trả cho bà là 104.000.000đ (một trăm linh bốn triệu đồng), trong đó tiền gốc là

80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 05/6/2017 là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị H thì: Bà công nhận ngày 21/8/2014 tại nhà bà D bà có nhận số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) từ bà D và có ký nhận trong giấy vay tiền, bà H cho rằng bà nhận số tiền trên là do trước đây bà Trần Thị M vay của bà 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), nay bà M vay được của bà D gọi bà đến nhận tiền và bà đồng ý đến nhà bà D nhận số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), chứ bà không vay của bà D.

Theo lời khai của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M thì: Trước khi bà H nhận vay tiền của bà D 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), bà chỉ còn nợ bà H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà công nhận trước đây bà có vay của bà Hạnh hai đợt tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) nhưng bà đã trả cho bà H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong đó trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vào tháng 01/2014 âm lịch và trừ tiền vật liệu xây dựng cho bà H xây nhà là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bà H nhận tiền từ bà D thì bà H có trách nhiệm trả cho bà D, còn bà chỉ nợ bà H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bà có trách nhiệm trả cho bà H.

Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2017 các đương sự đã thống nhất trả nợ cho bà D như sau: Bà H và bà M mỗi người trả cho bà D 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng) trong đó tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành về việc các đương sự đã thỏa thuận về khoản nợ vay và án phí mỗi bên phải chịu, nhưng đến ngày 09/6/2017 bà M có đơn thay đổi ý kiến không thống nhất như thỏa thuận ngày 05/6/2017.

Tại phiên hòa giải ngày 04/8/2017 bà H và bà M sau khi đã tính toán nợ giữa hai bên và thống nhất số tiền mỗi người phải trả cho bà D là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); tiền lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và thỏa thuận này được bà D nhất trí, Tòa án lập biên bản hòa giải thành về việc các đương sự đã thỏa thuận về khoản nợ vay và án phí mỗi bên phải chịu, nhưng đến ngày 06/8/2017 bà H có đơn thay đổi ý kiến về thời điểm trả tiền cho bà D là tháng 01/2018.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà D vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà H và bà M trả cho bà tổng số tiền là 104.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm, bà M giữ nguyên quan điểm như thỏa thuận trả nợ ngày 04/8/2017 mỗi người trả cho bà D số tiền là 52.000.000 đồng, nhưng bà H không đồng ý mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung nhận nợ:

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải

hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Theo quy định trên thì bị đơn (bà H) thừa nhận có nhận và ký nhận số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) trong hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2014 giữa bà Lê Thị D và bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị M, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật, song bà H cho rằng bà nhận số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) từ bà D là số tiền bà M nợ của bà H, bà M vay của bà D trả cho bà H sau đó điện thoại cho bà H đến nhận, nhưng theo lời khai của bà D thì trước khi bà H nhận tiền bà H đã đọc kỹ hợp đồng vay tiền, sau đó bà H mới nhận số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và ký nhận vào hợp đồng, thể hiện lời khai của bà D phù hợp với nội dung của hợp đồng vay tiền giữa các bên đã được ký kết. Như vậy xét hợp đồng vay tiền giữa các bên đương sự được xác lập đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả nội dung và hình thức, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận hợp đồng vay tiền giữa bà Lê Thị D và bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị M là có thật và hợp pháp.

Về trách nhiệm trả tiền:

Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Hạn trả tiền theo hợp đồng vay tiền lập ngày 21/8/2014 giữa các bên có thỏa thuận thời hạn trả tiền là 20 ngày kể từ ngày vay tiền và lãi suất vay là theo thỏa thuận, tuy nhiên bên vay không tuân thủ quy định này, qua các lần hòa giải tại Tòa án, ngày 05/6/2017 và ngày 04/8/2017, nguyên đơn (bà D), bị đơn (bà H), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà M) đã thỏa thuận với nhau về số tiền vay, thời gian vay và lãi suất phải trả cho bà D mỗi người phải trả tổng số tiền là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 12.000.000 đồng và án phí mỗi người phải chịu, điều này chứng tỏ họ đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phải trả cho bà D, thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, nhưng tại phiên tòa bà H không đồng ý trả cho bà D số tiền 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng) mà không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở và căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 06/7/2016, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 05/6/2017 về việc yêu cầu bị đơn (bà H); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà M) mỗi người phải trả cho bà D tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2017 là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng); trong đó: Tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi

triệu đồng); Tiền lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 256; 471; 474; 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận, nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 144; 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256; 471; 474; 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án; kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2016; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2017 của nguyên đơn bà Lê Thị D và Xử như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M mỗi người phải trả cho bà Lê Thị D tổng số tiền tính đến ngày 06/11/2017 là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng); trong đó: Tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Tiền lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị M mỗi người phải chịu 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Lê Thị D 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0008592 ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/11/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp Cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen